

DANH SÁCH CÁC MÔN HỌC DỰ KIẾN KỲ PHỤ ĐỢT 2 – HỌC KỲ II NĂM HỌC 2025-2026

Phụ lục kèm theo Thông báo số: / TB-TĐHHN ngày tháng năm 2026
của Hiệu trưởng Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội

Stt	Mã học phần	Tên học phần	Số TC
1	ALT1	Giáo dục thể chất 2 - Điền kinh 1	1
2	ALT2	Giáo dục thể chất 3 - Điền kinh 2	1
3	BKPB117	Toàn cầu hóa	2
4	CTKH2310	Công nghệ XML và JSON	2
5	CTKH2516	Phát triển ứng dụng trên nền Web	3
6	CTKM102	Kỹ năng mềm Công nghệ thông tin	2
7	CTKM105	Mạng máy tính	3
8	CTKM106	Kỹ thuật điện tử số	2
9	CTKM108	Công nghệ Java	3
10	CTKM109	Công nghệ.Net	3
11	CTKM111	Tiếng Anh chuyên ngành Công nghệ thông tin	3
12	CTKM112	Phát triển ứng dụng trên nền Web	3
13	CTKM121	Phát triển hệ thống thương mại điện tử	3
14	CTKU101	Tin học đại cương	3
15	CTKU102	Cấu trúc dữ liệu và giải thuật	3
16	CTKU103	Nguyên lý hệ điều hành	2
17	CTKU104	Phân tích thiết kế hệ thống thông tin	3
18	CTKU105	Phát triển hệ thống thông tin địa lý	3
19	CTKU108	Khai phá dữ liệu	2
20	CTKU110	Quản lý dự án Công nghệ thông tin	3
21	CTKU135	Cơ sở dữ liệu	3
22	ĐCQT107	Địa hóa môi trường	2
23	ETM203	Quản trị sự kiện	3
24	GNT1	Giáo dục thể chất 1 - Thể dục	1
25	GTGP1010	Giáo dục thể chất 4 - Đá cầu	1
26	GTGP106	Giáo dục thể chất 4 - Cầu lông	1
27	GTGP109	Giáo dục thể chất 4 - Bóng đá	1
28	KĐHH101	Hoá học đại cương	2
29	KĐTO101	Toán cao cấp 1	3
30	KĐTO105	Toán kinh tế	2
31	KĐTO109	Toán cao cấp	3
32	KĐTO2103	Đại số	3
33	KĐTO2104	Giải tích 1	2

Stt	Mã học phần	Tên học phần	Số TC
34	KĐVL102	Vật lý đại cương	3
35	KTDL101	Tổng quan du lịch	3
36	KTDL101	Tổng quan du lịch	3
37	KTDL108	Quản trị lễ tân	2
38	KTDL117	Tâm lý khách hàng du lịch	3
39	KTDL149	Quản trị kinh doanh khu nghỉ dưỡng	3
40	KTKD101	Khởi sự kinh doanh	2
41	KTKD102	Kỹ năng phát triển nghề nghiệp	2
42	KTKD105	Quản trị học	3
43	KTKD106	Thương mại điện tử	2
44	KTKD107	Tiếng Anh chuyên ngành Quản trị kinh doanh	3
45	KTKD108	Quản trị chiến lược	3
46	KTKD109	Quản trị nguồn nhân lực	3
47	KTKD118	Quản trị doanh nghiệp	3
48	KTKD119	Phân tích hoạt động kinh doanh	3
49	KTKD124	Quản trị chất lượng	3
50	KTKD125	Quản trị sự thay đổi	3
51	KTKD126	Quản trị công nghệ	3
52	KTKD127	Quản trị văn phòng	3
53	KTKD128	Quản trị rủi ro	3
54	KTKD171	Quản trị chất lượng	2
55	KTKD172	Quản trị điều hành sản xuất	3
56	KTKE119	Kế toán chi phí	3
57	KTKE120	Kế toán ngân hàng	3
58	KTKH101	Kinh tế vi mô	3
59	KTKH102	Kinh tế vĩ mô	3
60	KTKH104	Phương pháp nghiên cứu trong kinh doanh	2
61	KTKH106	Quản lý kho hàng bên bãi	3
62	KTKH107	Quản lý rủi ro và an toàn trong cung ứng	3
63	KTKH111	Kỹ năng phát triển nghề nghiệp	2
64	KTKH121	Quản trị chuỗi cung ứng 2	3
65	KTKH125	Nghiệp vụ giao nhận và vận tải hàng hóa quốc tế	3
66	KTKH131	Quản trị chuỗi cung ứng	3
67	KTKH132	Thống kê kinh doanh	2
68	KTKH2803	Hệ thống thông tin dịch vụ logistics	3
69	KTKT101	Tài chính - tiền tệ	2

Stt	Mã học phần	Tên học phần	Số TC
70	KTKT102	Định giá tài sản	2
71	KTKT109	Thanh toán quốc tế	3
72	KTKT112	Kiểm toán tài chính	3
73	KTKT127	Lý thuyết tài chính và tiền tệ	2
74	KTPT108	Tiếng Anh chuyên ngành Marketing	3
75	KTPT116	Truyền thông Marketing tích hợp	3
76	KTPT118	Digital Marketing	3
77	KTPT141	Kế hoạch truyền thông Marketing	3
78	KTPT142	Quản trị dự án truyền thông	3
79	KTPT143	Quảng cáo và trưng bày tại điểm bán	3
80	KTPT146	Xử lý khủng hoảng truyền thông	3
81	KTPT2301	Nguyên lý thống kê kinh tế	2
82	KTQU2533	Kinh doanh Logistics	3
83	LCLS101	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2
84	LCML102	Kinh tế chính trị Mác-Lênin	2
85	LCML103	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2
86	LCPL102	Lý luận về Nhà nước và Pháp luật	5
87	LCPL103	Luật học so sánh	3
88	LCPL104	Lịch sử Nhà nước và Pháp luật	3
89	LCPL106	Kỹ năng hành nghề luật	2
90	LCPL111	Luật Hình sự 1	3
91	LCPL112	Luật Hình sự 2	3
92	LCPL113	Luật Tố tụng hình sự	3
93	LCPL116	Luật Tố tụng dân sự	3
94	LCPL118	Luật Thương mại 2	3
95	LCPL123	Luật Đất đai	3
96	LCPL124	Luật Môi trường	3
97	LCPL125	Pháp luật, chính sách tài nguyên nước	2
98	LCPL126	Công pháp quốc tế	3
99	LCPL127	Tư pháp quốc tế	3
100	LCPL129	Luật pháp và chính sách biển	3
101	LCPL131	Luật Tài chính ngân hàng	3
102	LCPL132	Luật sư, công chứng, chứng thực	3
103	LCPL133	Thực hành kỹ năng đàm phán, soạn thảo hợp đồng trong lĩnh vực tài nguyên môi trường	4
104	LCPL2761	Kỹ năng tư vấn pháp lý về pháp luật tài nguyên môi trường	3

Stt	Mã học phần	Tên học phần	Số TC
105	LCPL2762	Kỹ năng Giải quyết tranh chấp thương mại	3
106	LCTT101	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2
107	MT421	Lượng giá dịch vụ hệ sinh thái	2
108	MT429	Quan trắc đa dạng sinh học	2
109	MT432	Kiểm soát sinh vật ngoại lai xâm hại	2
110	MTCM122	Quản lý chất thải rắn và chất thải nguy hại	3
111	MTCM170	Nhập môn công nghệ thực phẩm	2
112	MTCM173	Sản xuất sạch hơn trong chế biến thực phẩm	1
113	MTĐQ105	Hóa học môi trường	2
114	MTĐQ164	Sức khỏe - An toàn - Môi trường (HSE)	3
115	MTĐQ166	Hóa sinh	3
116	MTĐQ179	Khoa học thực phẩm	2
117	MTĐQ180	Hóa sinh học thực phẩm	3
118	MTQM103	Cơ sở khoa học môi trường	2
119	MTQM106	Quản lý môi trường	2
120	MTQM2622	Tăng trưởng xanh	2
121	MTQT101	Kỹ năng phát triển nghề nghiệp	3
122	MTQT104	Đa dạng sinh học	2
123	MTQT155	Kinh tế môi trường	2
124	MTQT167	Kỹ năng phát triển nghề nghiệp	3
125	MTQT172	Tiếng Anh chuyên ngành Sinh học ứng dụng	3
126	MTQT2317	Cơ sở Quản lý tài nguyên	2
127	NNTA101	Tiếng Anh 1	3
128	NNTA102	Tiếng Anh 2	3
129	NNTA103	Tiếng Anh 3	2
130	NNTA117	Đọc-Viết 1	3
131	NNTA127	Ngữ âm – Âm vị học	3
132	NNTA150	Tiếng anh chuyên ngành Luật	3
133	NNTA2104	Tiếng anh chuyên ngành Kỹ thuật trắc địa - bản đồ	3
134	QĐCT102	Tin học ứng dụng trong quản lý đất đai 1	3
135	QĐCT105	Tin học ứng dụng trong quản lý đất đai 2	3
136	QĐCT110	Xã hội học đại cương	2
137	QĐKĐ2304	Quản lý và sử dụng đất trong điều kiện biến đổi khí hậu	2
138	QĐKĐ2306	Quy hoạch nông nghiệp và phát triển nông thôn	3
139	QĐKQ107	Quy hoạch sử dụng đất	3
140	QĐQB101	Kỹ năng mềm	2

Stt	Mã học phần	Tên học phần	Số TC
141	QĐQB102	Tiếng Anh chuyên ngành Quản lý đất đai	3
142	QĐQB105	Giao đất và thu hồi đất	3
143	QĐQB106	Định giá đất	2
144	QĐQB129	Kỹ năng nghề nghiệp bất động sản	2
145	QĐQN2527	Môi giới bất động sản	2
146	RTB204	Tài nguyên và kinh doanh du lịch	3
147	TBAB2610	Cơ sở vật lý ảnh viễn thám	3
148	TBBV103	Hệ thống thông tin địa lý	2
149	TBTC2300	Kỹ năng tìm kiếm việc làm ngành Trắc địa Bản đồ	2
150	TBTC2506	Trắc địa lý thuyết	2
151	TBTĐ101	Trắc địa cơ sở	4
152	TNTM101	Tài nguyên nước mặt đại cương	3